

STT	Sàn	Khối lượng (CP)						Giá trị (1000 VND)					
		Mua	Bán	Mua-Bán	Tỷ trọng Mua/Thị trường	Tỷ trọng Bán/Thị trường	Khối lượng GD toàn Thị trường	Mua	Bán	Mua-Bán	Tỷ trọng Mua/Thị trường	Tỷ trọng Bán/Thị trường	GT GD toàn Thị trường
1	Tổng HOSE	10,140,640	9,128,880	1,011,760	6.92%	6.23%	146,562,382	458,572,027	401,421,955	57,150,072	14.78%	12.93%	3,103,688,000
2	Tổng HNX	175,820	191,093	-15,273	0.63%	0.68%	28,127,306	3,450,944	3,876,647	-425,703	1.15%	1.29%	299,546,000
	Tổng	10,316,460	9,319,973	996,487	5.91%	5.34%	174,689,688	462,022,971	405,298,602	56,724,369	13.58%	11.91%	3,403,234,000

Top KL HSX (Mua + Bán)			
STT	Mã	KL (CP)	GT (1000VND)
1	VRE	6,331,140	230,945,055
2	VHM	2,033,550	184,276,537
3	HPG	1,740,970	59,484,528
4	STB	780,010	9,536,054
5	E1VFN30	743,470	10,999,099
6	VCB	627,240	41,850,016
7	SSI	601,720	15,531,269
8	DXG	567,400	11,775,095
9	MSN	548,990	49,022,951
10	AAA	507,670	9,127,275
11	VIC	459,950	51,919,587
12	VPB	400,000	7,532,000
13	VNM	330,610	43,161,158
14	HSG	329,670	2,791,674
15	PVD	293,480	5,645,950
16	POW	241,820	3,530,915
17	GEX	171,040	3,803,131
18	DCM	164,160	1,391,166
19	SCS	145,650	23,306,982
20	HPX	128,670	3,372,771

Top GT HSX (Mua + Bán)			
STT	Mã	KL (CP)	GT (1000VND)
1	VRE	6,331,140	230,945,055
2	VHM	2,033,550	184,276,537
3	HPG	1,740,970	59,484,528
4	VIC	459,950	51,919,587
5	MSN	548,990	49,022,951
6	VNM	330,610	43,161,158
7	VCB	627,240	41,850,016
8	SCS	145,650	23,306,982
9	SAB	81,440	19,807,516
10	SSI	601,720	15,531,269
11	DXG	567,400	11,775,095
12	GAS	100,480	11,299,238
13	E1VFN30	743,470	10,999,099
14	STB	780,010	9,536,054
15	AAA	507,670	9,127,275
16	VJC	66,960	7,914,624
17	VPB	400,000	7,532,000
18	PVD	293,480	5,645,950
19	NVL	95,180	5,608,456
20	GEX	171,040	3,803,131

HOSE
TOP MUA RÒNG

Mã CK	Tổng khối lượng (CP)			Giá trị mua ròng (1000VND)	Tỉ trọng của NDTNN /Toàn TT		
	Mua	Bán	Mua Ròng Mua - Bán		Tổng KLGD toàn thị trường	Tỉ trọng mua NDTNN	Tỉ trọng bán NDTNN
E1VFN30	734,180	9,290	724,890	10,724,135	842,140	87%	1%
STB	689,610	90,400	599,210	7,310,674	8,683,660	8%	1%
VCB	560,530	66,710	493,820	32,943,392	858,780	65%	8%
VHM	1,131,280	902,270	229,010	20,772,902	1,335,600	85%	68%
MSN	377,040	171,950	205,090	18,311,197	868,120	43%	20%
GEX	156,720	14,320	142,400	3,158,731	6,417,342	2%	0%
HPG	911,600	829,370	82,230	2,787,005	3,495,970	26%	24%
DXG	321,200	246,200	75,000	1,523,883	1,302,150	25%	19%
SAB	77,880	3,560	74,320	18,075,444	102,940	76%	3%
DPM	55,680	0	55,680	1,007,300	283,250	20%	0%
VSH	72,750	22,000	50,750	956,005	115,860	63%	19%
SJF	47,800	0	47,800	205,540	2,368,410	2%	0%
POW	139,420	102,400	37,020	541,285	548,580	25%	19%
PVD	164,710	128,770	35,940	698,876	2,124,300	8%	6%
TDG	28,870	0	28,870	84,646	168,510	17%	0%
TCH	37,910	12,440	25,470	546,624	1,237,100	3%	1%
HSG	176,200	153,470	22,730	188,124	3,278,720	5%	5%
SSI	309,800	291,920	17,880	468,745	1,073,340	29%	27%
HSL	18,890	1,880	17,010	168,286	123,380	15%	2%
AST	16,800	400	16,400	1,229,800	90,470	19%	0%

TOP BÁN RÒNG

Mã CK	Tổng khối lượng (CP)			Giá trị bán ròng (1000VND)	Tỉ trọng của NDTNN /Toàn TT		
	Mua	Bán	Mua Ròng Mua - Bán		Tổng KLGD toàn thị trường	Tỉ trọng mua NDTNN	Tỉ trọng bán NDTNN
AAA	3,480	504,190	-500,710	-9,001,995	5,667,210	0%	9%
VIC	132,780	327,170	-194,390	-21,882,947	705,500	19%	46%
DCM	0	164,160	-164,160	-1,391,166	765,240	0%	21%
HPX	0	128,670	-128,670	-3,372,771	645,670	0%	20%
CNG	0	120,850	-120,850	-3,170,873	135,380	0%	89%
CRE	0	100,000	-100,000	-2,591,477	309,110	0%	32%
MHC	0	75,000	-75,000	-345,002	102,130	0%	73%
PVT	5,200	77,490	-72,290	-1,176,555	164,520	3%	47%
HDB	10	69,220	-69,210	-1,919,787	1,351,590	0%	5%
LHG	100	59,020	-58,920	-1,117,615	283,330	0%	21%
NVL	19,700	75,480	-55,780	-3,305,164	917,070	2%	8%
SBT	0	37,220	-37,220	-674,680	978,250	0%	4%
VPG	0	36,370	-36,370	-671,327	211,650	0%	17%
FCN	200	27,050	-26,850	-403,275	309,610	0%	9%
VNM	151,920	178,690	-26,770	-3,506,270	486,390	31%	37%
PLX	0	26,260	-26,260	-1,619,326	332,640	0%	8%
HNG	0	22,440	-22,440	-347,820	437,350	0%	5%
QCG	0	20,400	-20,400	-106,080	571,340	0%	4%
SJD	0	20,000	-20,000	-425,000	32,330	0%	62%
SHI	0	19,240	-19,240	-155,022	2,062,420	0%	1%

HNX
TOP MUA RÒNG

Mã CK	Tổng khối lượng (CP)			Giá trị mua ròng (1000VND)	Tỉ trọng của NDTNN /Toàn TT		
	Mua	Bán	Mua Ròng Mua - Bán		Tổng KLGD toàn thị trường	Tỉ trọng mua NDTNN	Tỉ trọng bán NDTNN
VGC	104,300	3,000	101,300	2,026,000	3,130,453	3%	0%
HMH	10,500	0	10,500	115,500	10,500	100%	0%
SHS	10,000	0	10,000	114,000	236,800	4%	0%
PPP	5,700	0	5,700	56,430	6,100	93%	0%
ART	5,000	0	5,000	15,000	1,536,631	0%	0%
BVS	12,700	8,000	4,700	59,400	23,000	55%	35%
S55	2,600	0	2,600	60,320	45,100	6%	0%
VCS	8,700	6,310	2,390	152,837	79,274	11%	8%
LAS	2,100	0	2,100	17,850	50,859	4%	0%
CDN	1,200	0	1,200	21,600	2,010	60%	0%

TOP BÁN RÒNG

Mã CK	Tổng khối lượng (CP)			Giá trị bán ròng (1000VND)	Tỉ trọng của NDTNN /Toàn TT		
	Mua	Bán	Mua Ròng Mua - Bán		Tổng KLGD toàn thị trường	Tỉ trọng mua NDTNN	Tỉ trọng bán NDTNN
NTP	0	34,200	-34,200	-1,202,070	34,353	0.00%	99.60%
PVS	700	24,400	-23,700	-558,120	2,521,439	0.00%	1.00%
MDC	0	22,500	-22,500	-173,500	29,500	0.00%	76.30%
SHB	0	20,000	-20,000	-149,000	2,207,117	0.00%	0.90%
SRA	0	19,700	-19,700	-358,500	74,900	0.00%	26.30%
HUT	0	10,000	-10,000	-35,000	809,903	0.00%	1.20%
MBS	0	8,300	-8,300	-133,630	207,810	0.00%	4.00%
MAC	0	6,000	-6,000	-41,400	11,200	0.00%	53.60%
MAS	400	4,451	-4,051	-193,602	4,601	8.70%	96.70%
DHP	0	3,800	-3,800	-39,140	12,400	0.00%	30.60%

STT	Mã	KLNN thỏa thuận (CP)			Giá trị NN thỏa thuận (1000 VND)		
		Mua	Bán	Tổng	Mua	Bán	Tổng
1	VHM	714,450	714,450	1,428,900	64,712,738	64,712,738	129,425,475
2	VPB	200,000	200,000	400,000	3,766,000	3,766,000	7,532,000
3	NLG	57,660	57,660	115,320	1,836,471	1,836,471	3,672,942
4	VRE	38,000	38,000	76,000	1,371,800	1,371,800	2,743,600